TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2019
" Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Nga

- Bà Trịnh Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Đỗ Đình Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp*"Yêu cầu ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Trần L, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:**

* Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần L chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Hôn nhân của Bà C và ông L là hoàn toàn tự nguyện không ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn Bà C và ông L có thời gian tìm hiểu nhau nhưng hai bên gia đình không đồng ý nên Bà C và ông L không tổ chức lễ cưới.

Sau khi về chung sống, vợ chồng Bà C và ông L chung sống với nhau rất hạnh

phúc, mặc dù trong cuộc sống đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng tự giải quyết được. Đến năm 2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến ngày hôm nay, không thể nào khắc phục được nữa.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Ngoài ra, ông L có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, mặc dù việc này Bà C không có chứng cứ gì. Bà C đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng chung sống với nhau nhưng không được.

Từ cuối năm 2017 cho đến nay, Bà C và ông L sống ly thân, vợ chồng không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà. Nay Bà C xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên Bà C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa Bà C và ông Trần L là quan hệ vợ chồng.

* Về con chung: Bà C và ông L 03 con chung là Trần L1, sinh ngày: 05/5/1993; Trần Thị Thanh T, sinh ngày: 18/8/1996 và Trần H, sinh ngày: 30/3/1998. Tất cả con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông L tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Trần L trình bày:

** Về hôn nhân:* Ông L xác định, ông L và Bà C chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Hôn nhân của ông L và Bà C là tự nguyện không bị ai mai mối hay ép buộc, trước khi kết hôn ông L và Bà C có thời gian tìm hiểu nhau nhưng không tổ cức lễ cưới vì hai bên gia đình không đồng ý.

Vợ chồng ông L và Bà C chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến ngày hôm nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Việc này vợ chồng đã ngồi lại tìm cách khắc phục nhưng không được. Nay Bà C yêu cầu không công nhận quan hệ giữ Bà C và ông L là quan hệ vợ chồng thì ông L đồng ý.

* Về con chung: ông L và Bà C có 03 (ba) con chung là Trần L1, sinh ngày: 05/5/1993; Trần Thị Thanh T, sinh ngày: 18/8/1996 và Trần H, sinh ngày: 30/3/1998. Tất cả con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông L và Bà C tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa**

phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận quan hệ giữa Bà C và ông L là quan hệ vợ chồng. Về con chung, tất cả con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về phần tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:* Bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu không công nhận Bà C và ông Trần L là vợ chồng; ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại Tổ A, ấp B, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần L đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân:* Bà C và ông L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vì vậy không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên không xác lập quan hệ hôn nhân. Trong quá trình chung sống, Bà C và ông L phát sinh mâu thuẫn nên từ cuối năm 2017 cho đến nay Bà C và ông L không còn chung sống với nhau và không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Bà C xác định tình cảm của Bà C đối với ông

L không còn, Bà C và ông L đã không còn duy trì đời sống chung nên Bà C đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà C và ông L.

Hội đồng xét xử xét thấy, Bà C và ông L đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8, Luật hôn nhân gia đình nhưng do mẫu thuẫn không có khả năng đoàn tụ nên không cần thiết hướng dẫn Bà C và ông L thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Bà C về việc không công nhận quan hệ giữa Bà C và ông L là quan hệ vợ chồng.

[4]. *Về con chung:* Bà C và ông L có 03 con chung là Trần L1, sinh ngày: 05/5/1993; Trần Thị Thanh T, sinh ngày: 18/8/1996 và Trần H, sinh ngày: 30/3/1998. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Nguyễn Thị C và ông Trần L tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, không công nhận bà Nguyễn Thị C và ông Trần L là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần L có 03 (ba) con chung là Trần L1, sinh ngày: 05/5/1993; Trần Thị Thanh T, sinh ngày: 18/8/1996 và Trần H, sinh ngày: 30/3/1998. Tất cả con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị C và ông Trần L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ Bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000376 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà C đã nộp đủ án phí, ông Trần L không phải nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy